



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Dịch vụ Hàng không Taseco

Ngày 30/06/2025	66,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	3.4%	23.4%	20.4%

DT thuần Q2/25
394
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 9.00 2.3%
YoY: ▲ 84.0 27.0%

LN thuần Q2/25
85.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▼ 3.50 -3.9%
YoY: ▲ 32.8 62.5%

LN sau thuế Q2/25
77.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.70 5.1%
YoY: ▲ 34.5 80.3%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
21.9%
YoY: +/- ▼ 1.4%

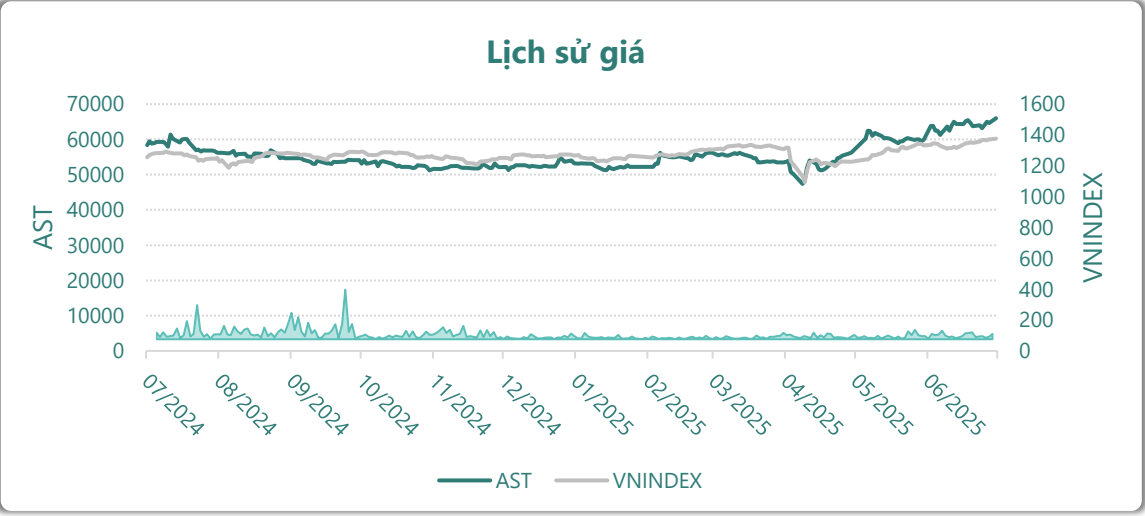
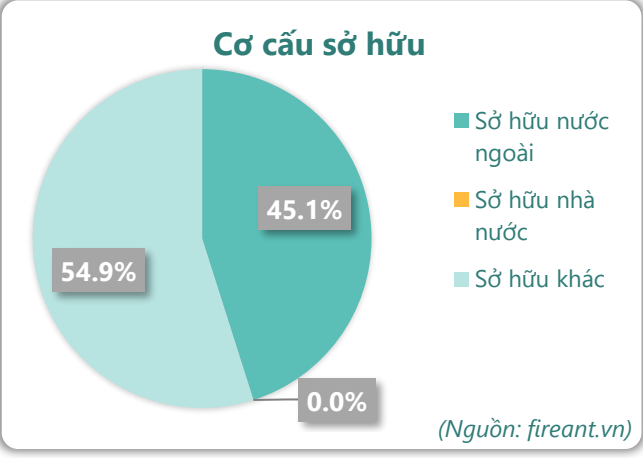
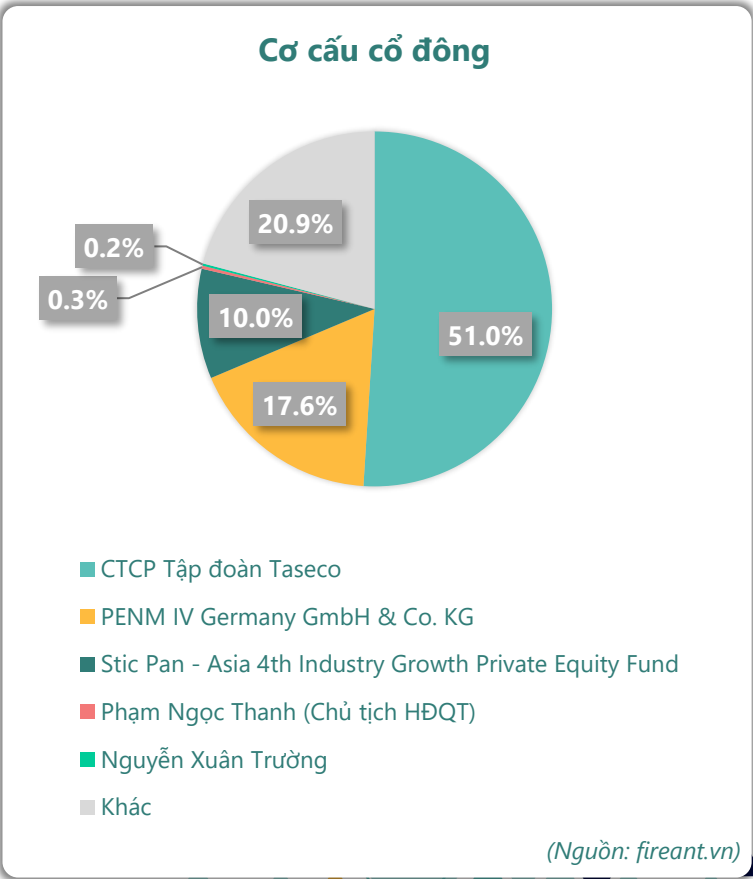
ROE (TTM) Q2/25
30.8%
YoY: +/- ▲ 5.0%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	47,372 - 66,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,970
Số lượng CPLH (CP)	45,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	27,850
Sở hữu nước ngoài	45.1%
Beta	0.64
EPS	4,406
P/E	15.0

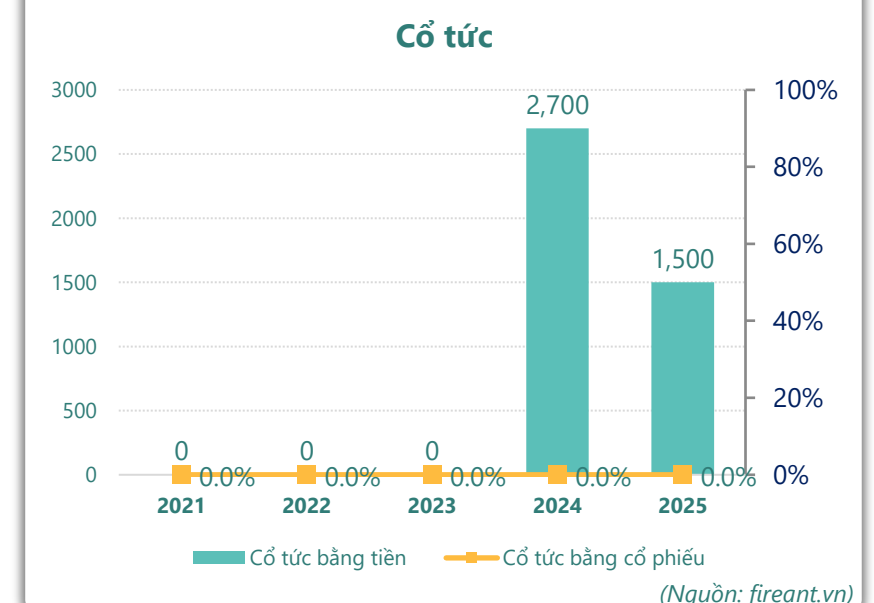
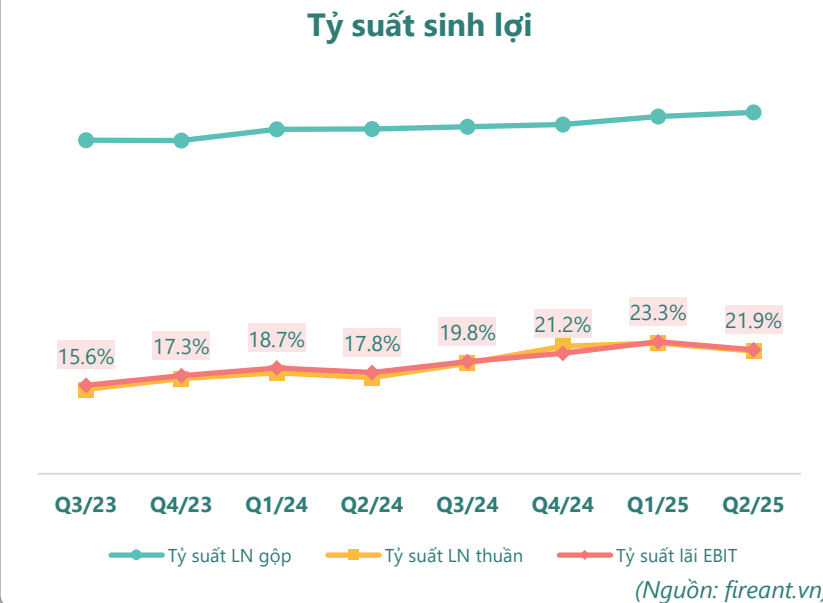
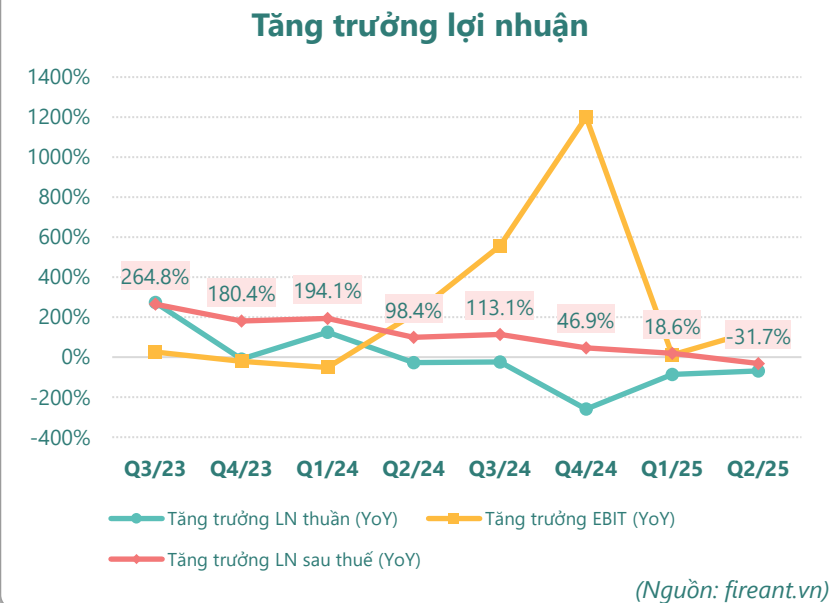
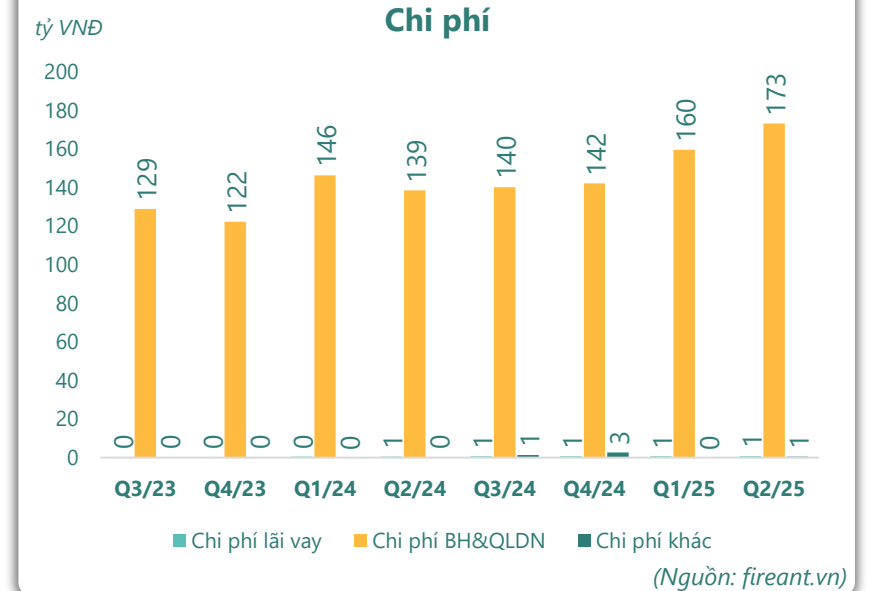
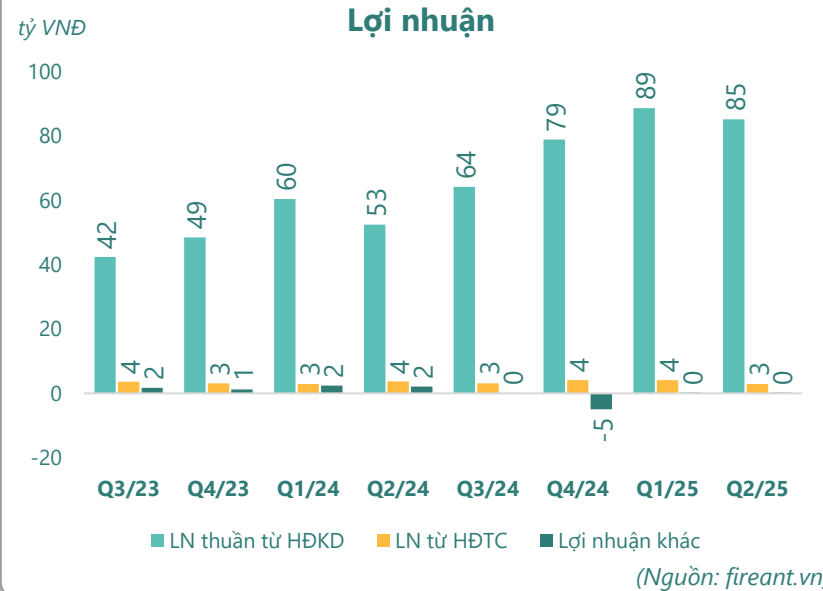
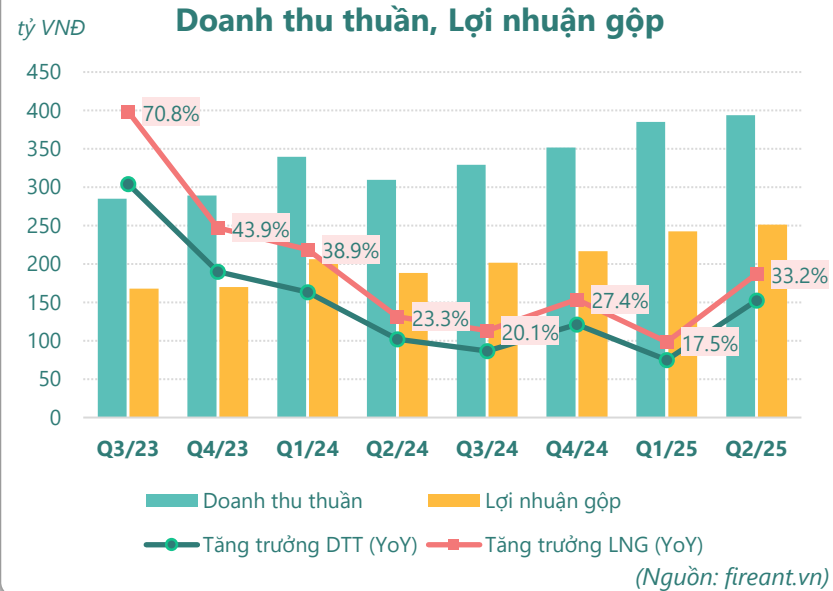
DT thuần 6T 2025
779
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 130 19.9%

LN thuần 6T 2025
174
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 61.0 54.0%

LN sau thuế 6T 2025
151
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 57.9 62.5%



KẾT QUẢ KINH DOANH



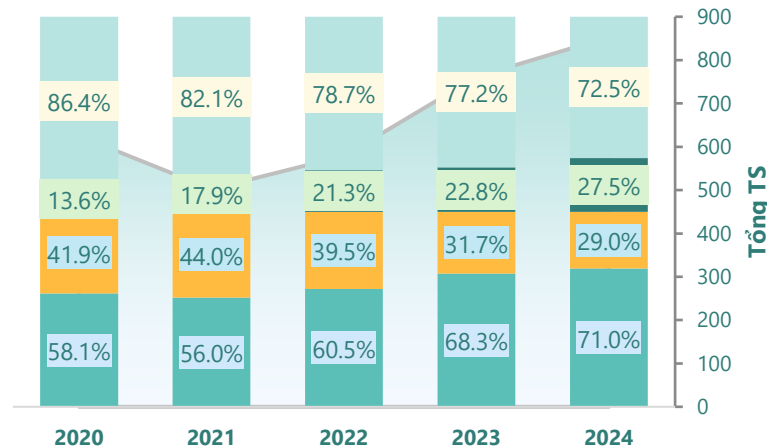


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ

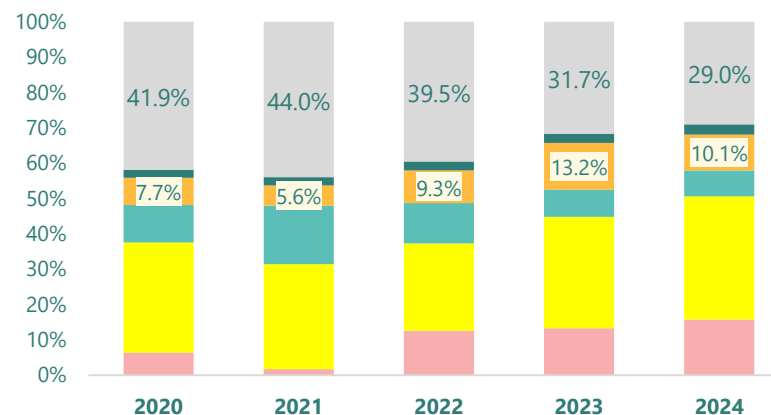
Tổng TS



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

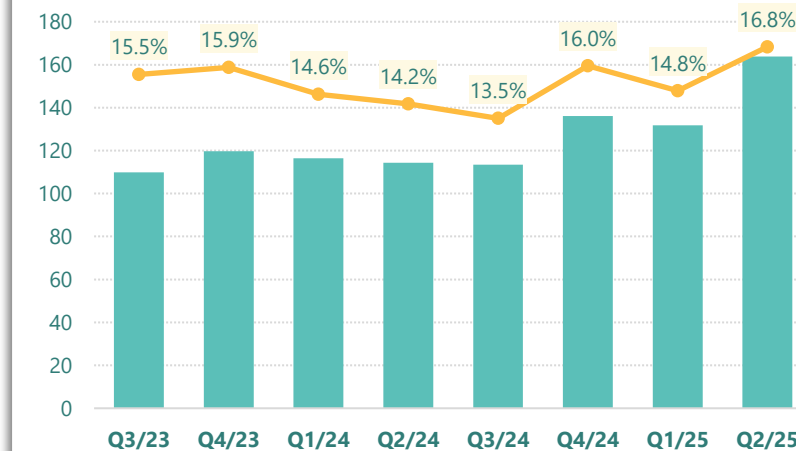


■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

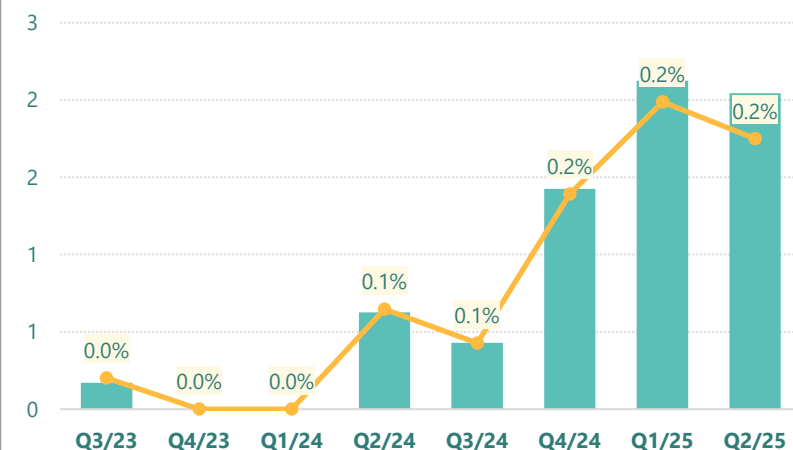


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

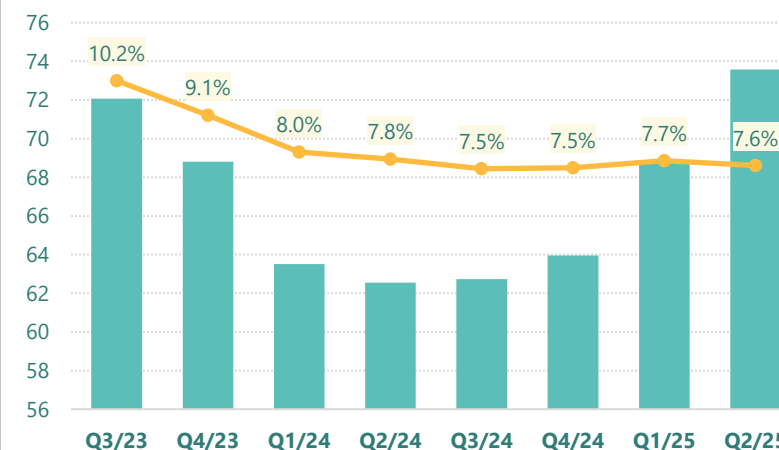


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

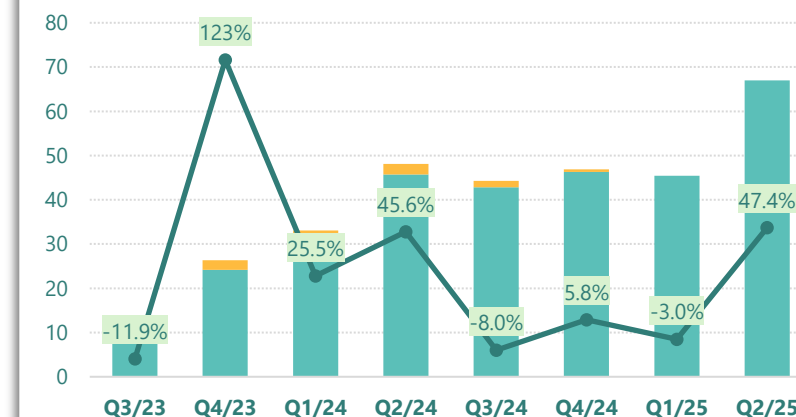


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

— Tăng trưởng nợ vay

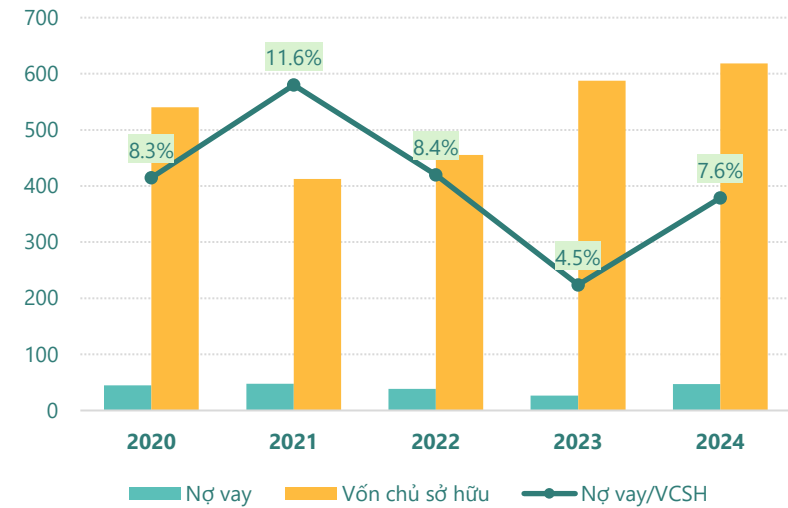
(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

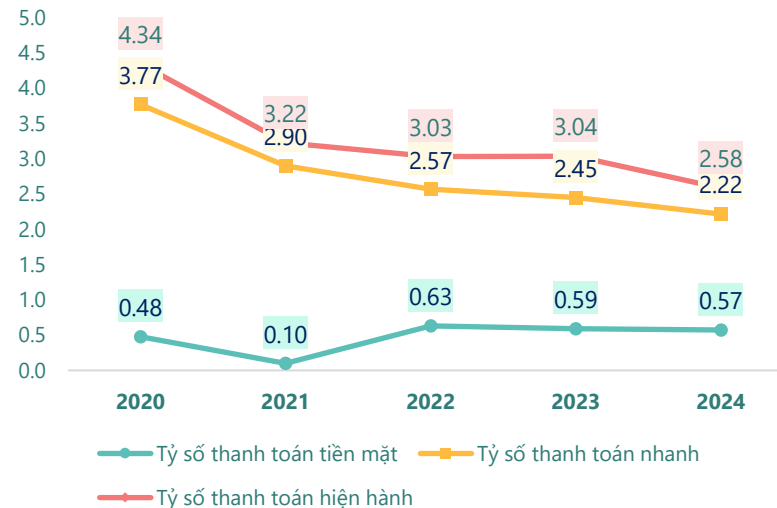
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



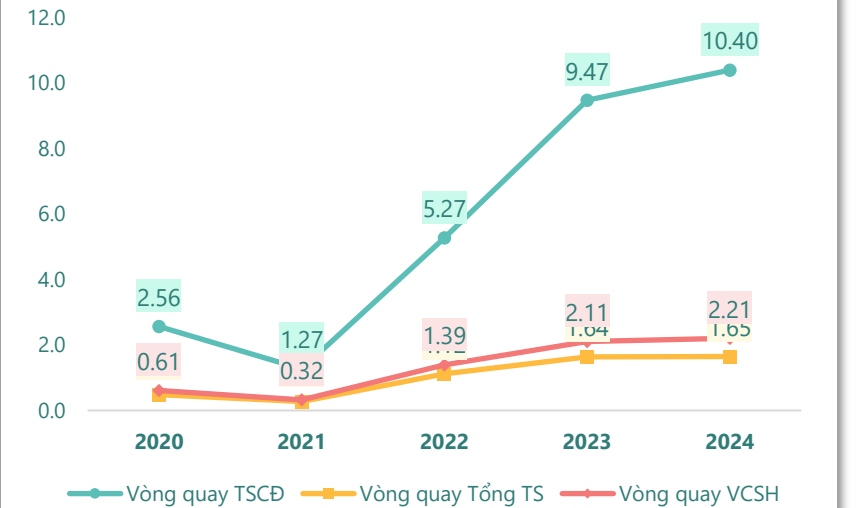
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



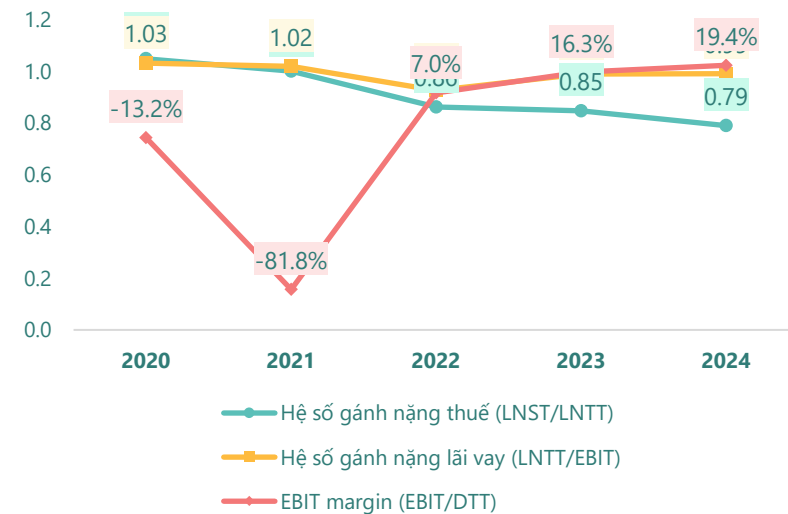
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



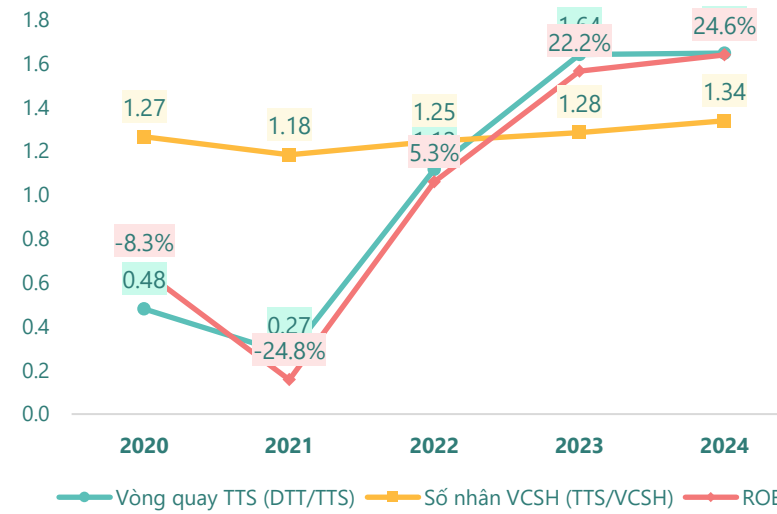
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



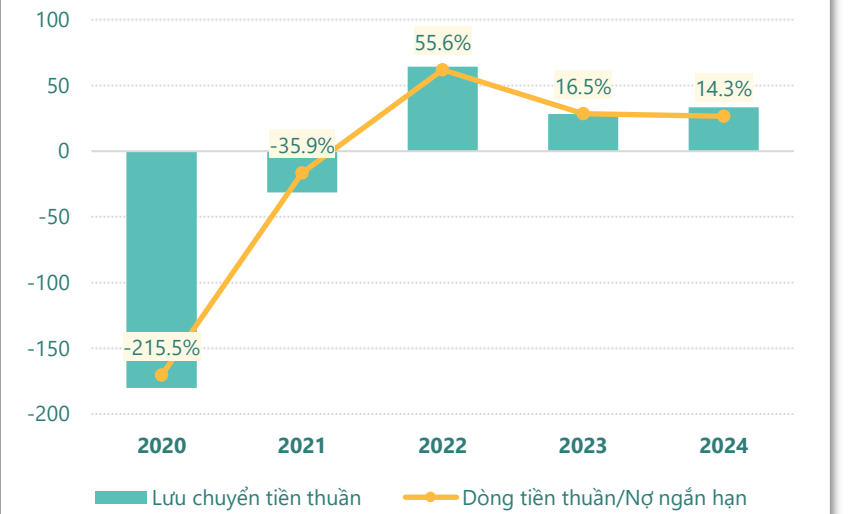
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)



KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	394	310	27.0%	779	649	19.9%
Giá vốn hàng bán	143	121	17.9%	285	254	12.0%
Lợi nhuận gộp	251	188	33.6%	494	395	25.0%
Doanh thu HĐTC	4.00	4.21	-5.1%	8.07	9.03	-10.6%
Chi phí TC	1.12	0.53	112%	1.06	2.41	-56.1%
Chi phí lãi vay	0.70	0.57	23.5%	1.36	1.02	33.1%
LN trong công ty LKLD	4.61	-1.04	543%	6.39	-3.48	283%
Chi phí bán hàng	120	91.3	31.2%	231	190	21.7%
Chi phí QLDN	53.5	47.3	13.1%	102	95.5	7.2%
LN thuần từ HĐKD	85.3	52.5	62.5%	174	113	54.0%
Lợi nhuận khác	0.22	2.17	-90.0%	0.47	4.64	-89.9%
LN trước thuế	85.5	54.7	56.4%	175	118	48.4%
Lợi nhuận sau thuế	77.5	43.0	80.3%	151	93.1	62.5%
LNST của CĐ cty mẹ	62.6	32.6	91.9%	117	67.6	73.5%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	49.6	52.0	59.2	100	65.3	41.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-51.0	68.4	-85.1	-15.2	-21.5	13.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	6.72	-51.9	-17.3	-82.1	-1.41	-72.8
Tiền đầu kỳ	101	107	175	132	135	177
Lưu chuyển tiền thuần	5.34	68.5	-43.2	2.78	42.4	-18.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0.09	0.15	-0.13	-0.12	0.00	0.02
Tiền cuối kỳ	107	175	132	135	177	158

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	973	853	14.0%
Tài sản ngắn hạn	689	606	13.7%
Tiền và tương đương tiền	158	135	17.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	250	297	-16.0%
Phải thu ngắn hạn	153	62.7	144%
Hàng tồn kho	96.1	86.6	11.0%
Tài sản ngắn hạn khác	31.5	24.8	27.1%
Tài sản dài hạn	284	247	15.0%
Phải thu dài hạn	7.51	6.92	8.5%
Tài sản cố định	164	136	20.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2.04	1.43	43.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	73.6	64.0	15.0%
Tài sản dài hạn khác	24.3	21.4	13.7%
Lợi thế thương mại	13.3	17.7	-24.9%
Nợ phải trả	298	235	26.9%
Nợ ngắn hạn	298	234	27.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	67.0	46.3	44.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	66.7	69.6	-4.3%
Nợ dài hạn	0	0.56	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0.56	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	675	618	9.2%
Vốn chủ sở hữu	675	618	9.2%
Vốn điều lệ	450	450	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

